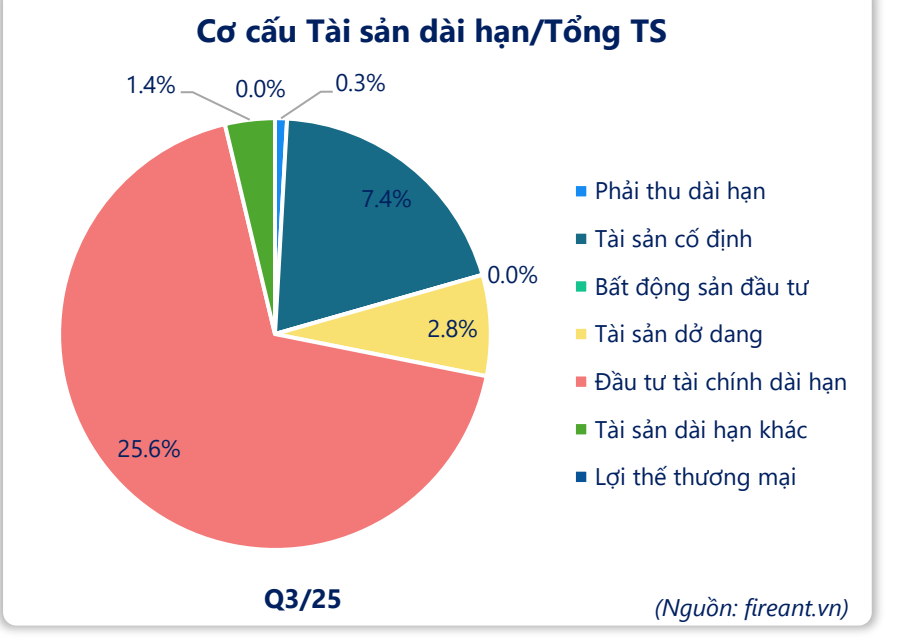
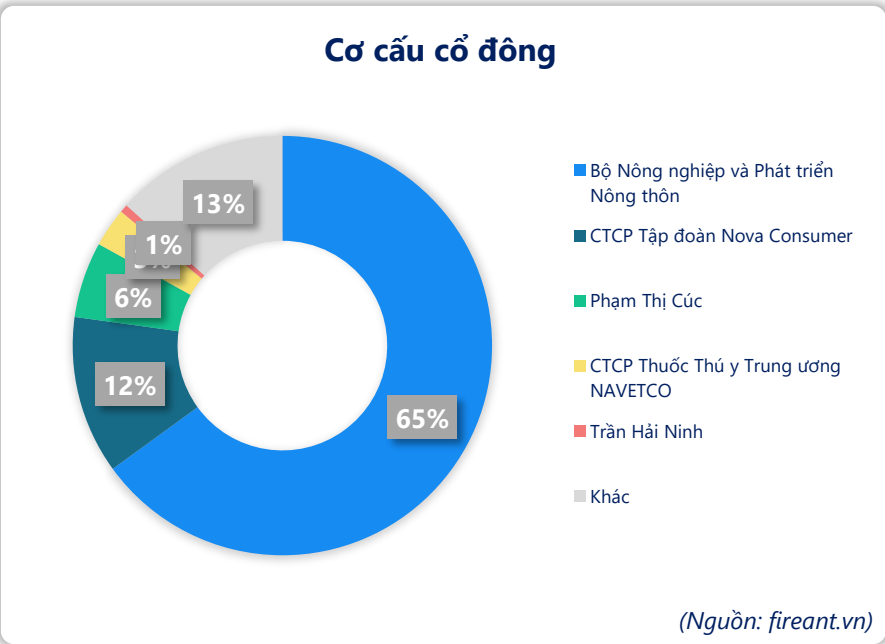
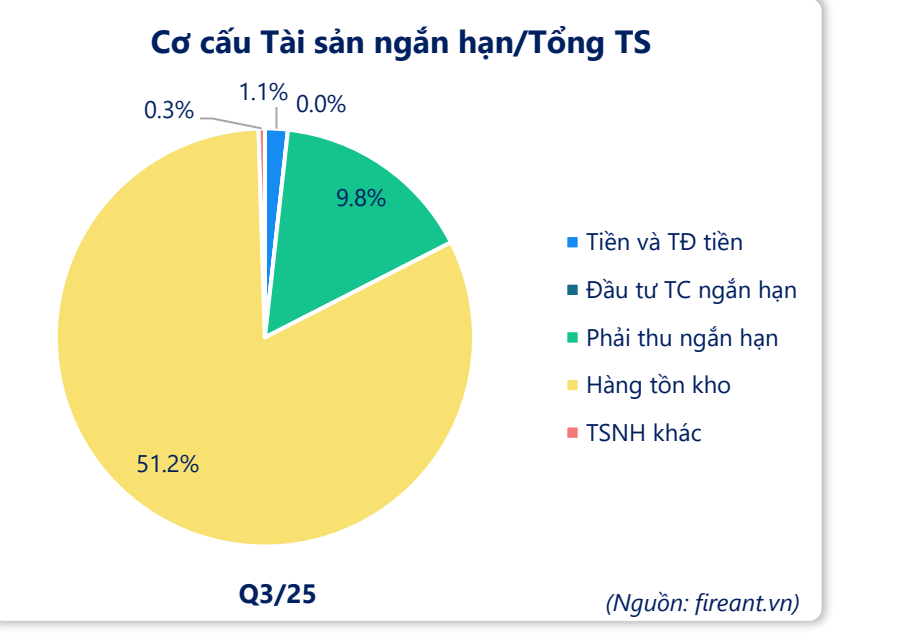
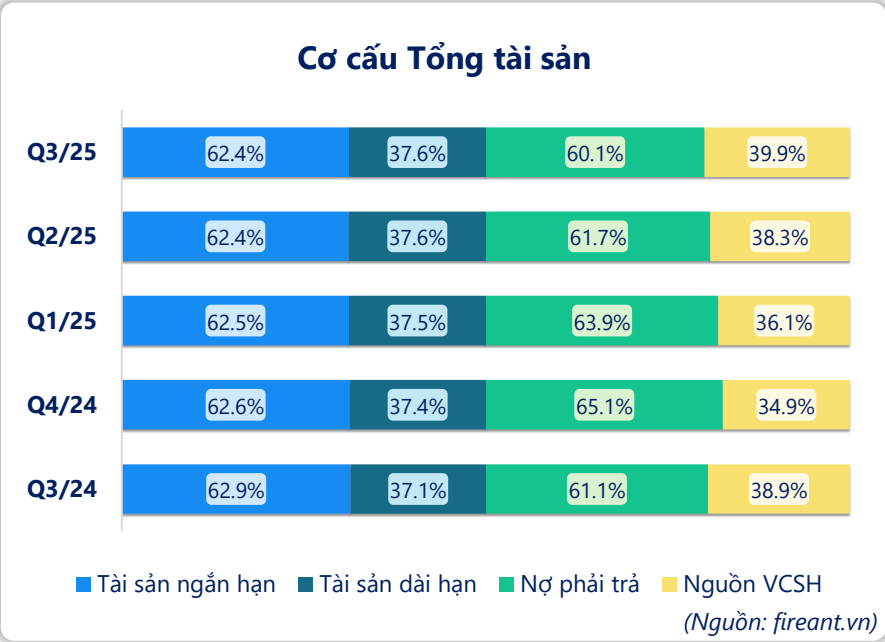
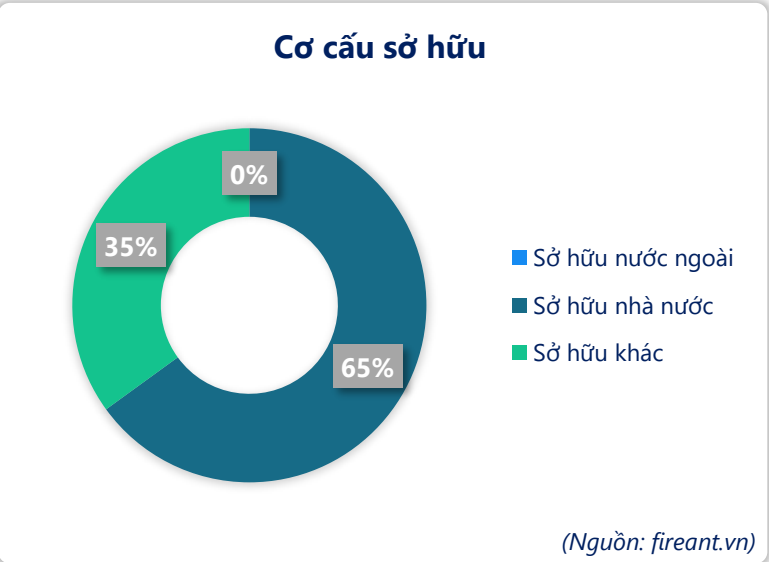
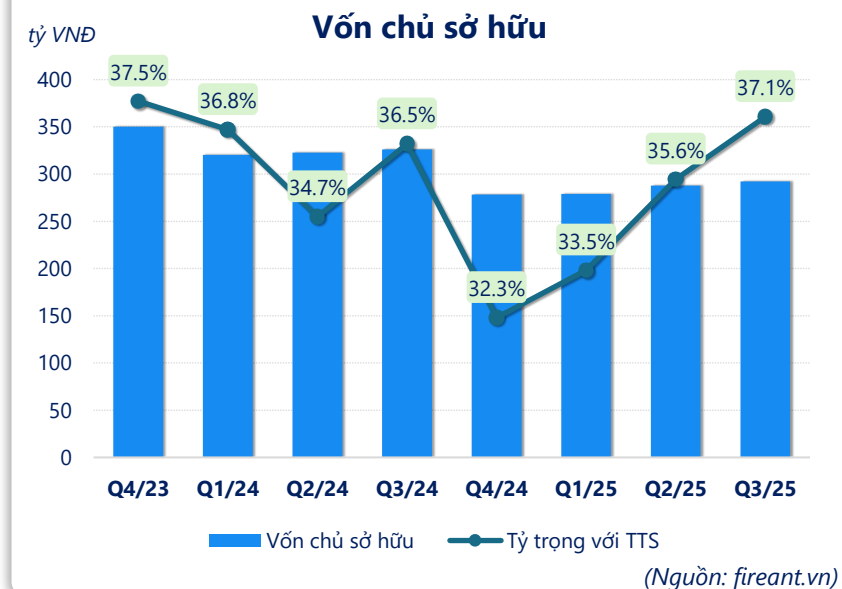
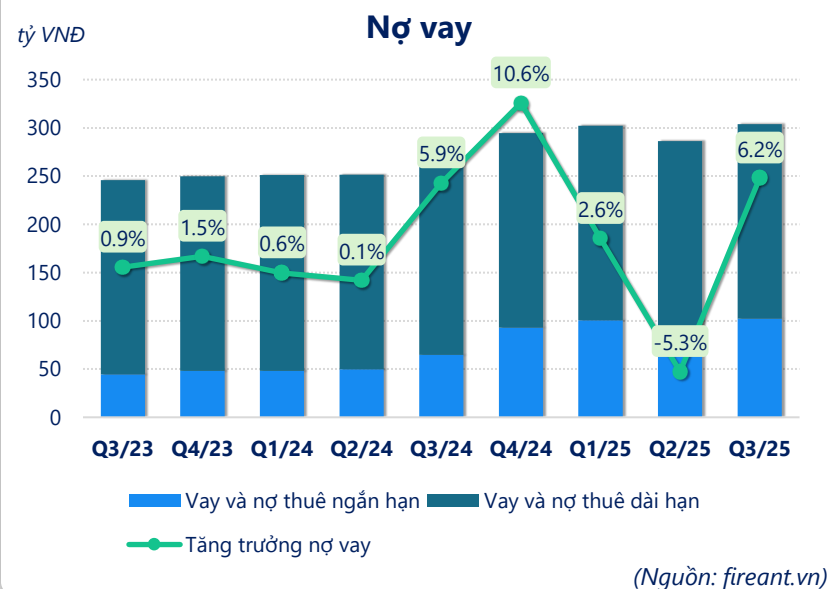
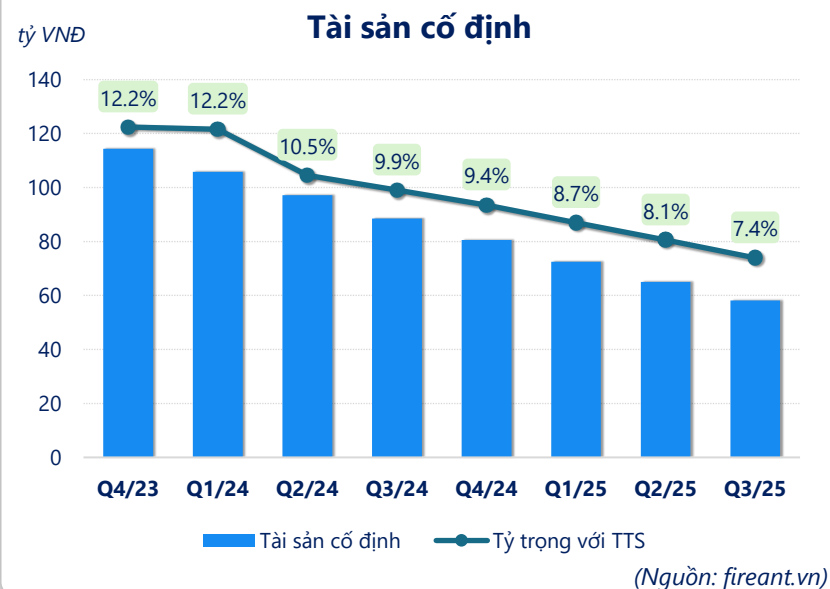
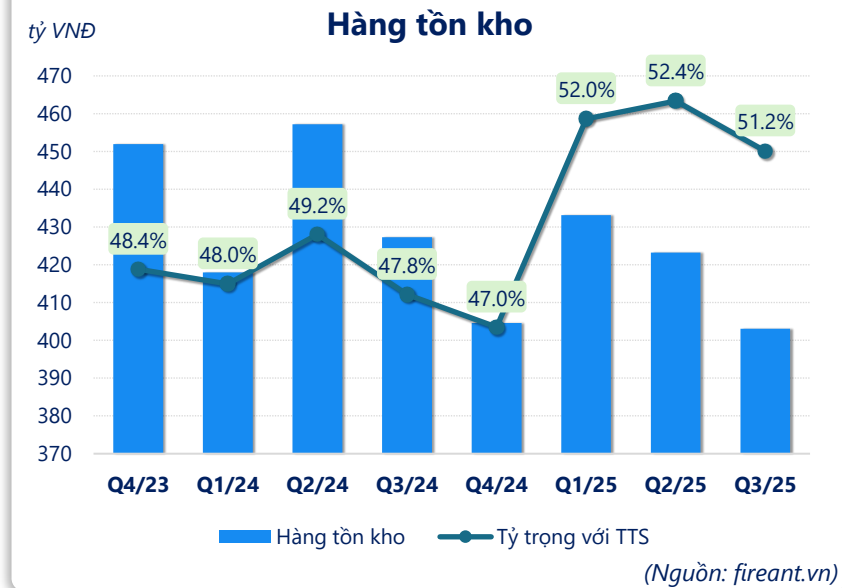
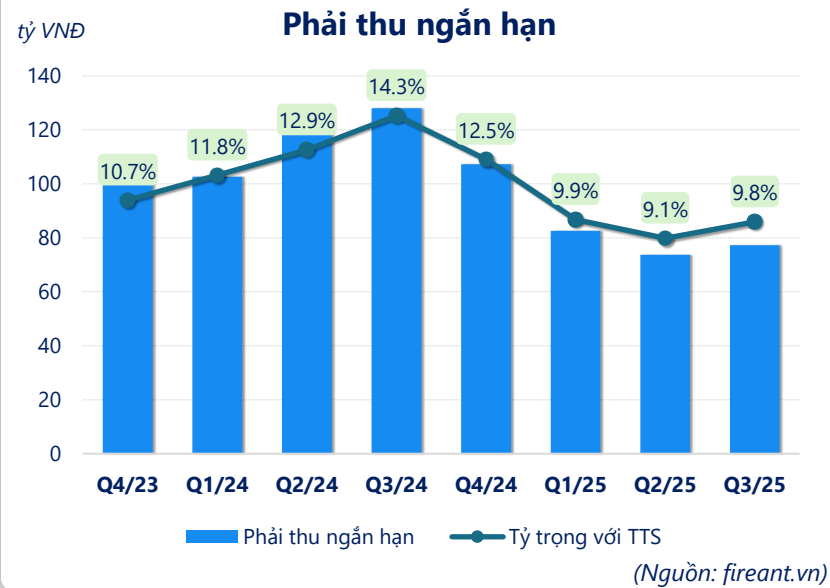
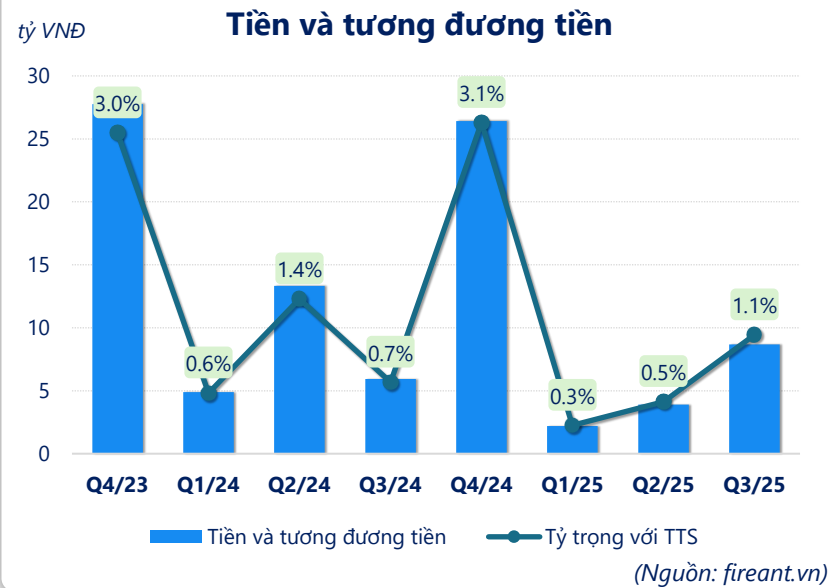
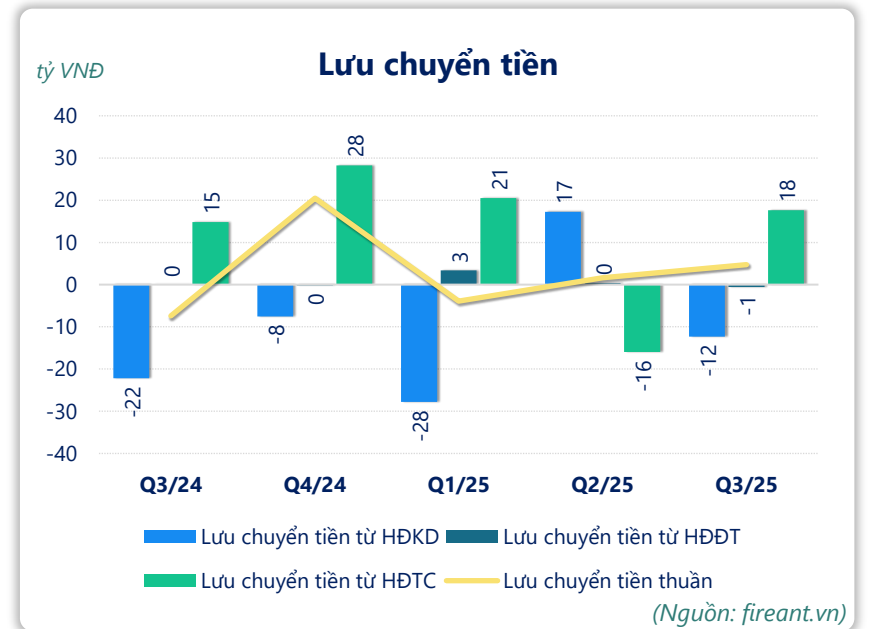
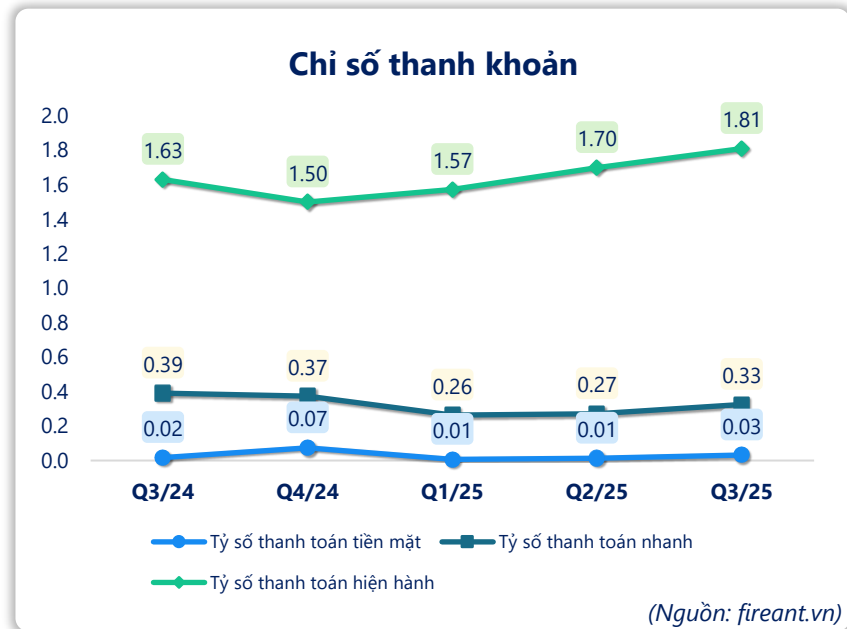
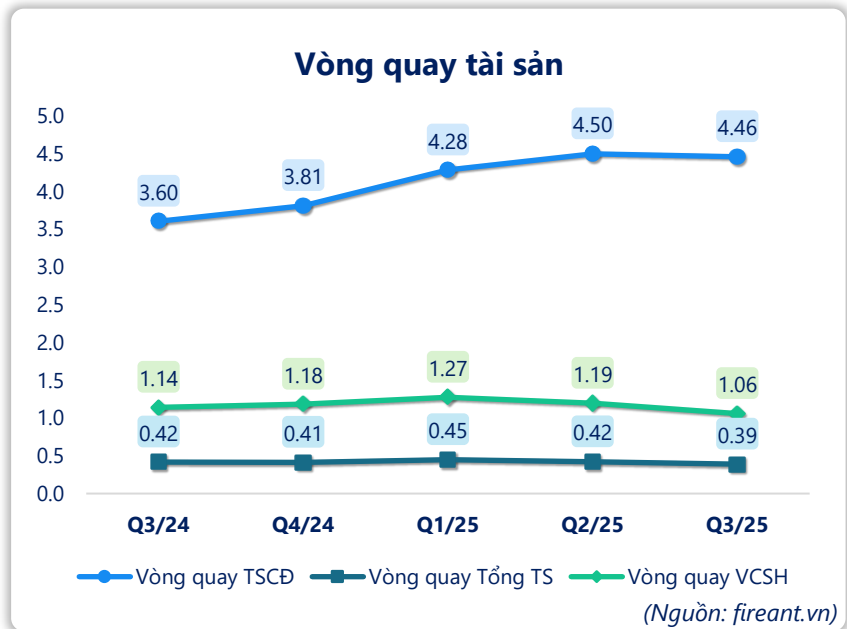
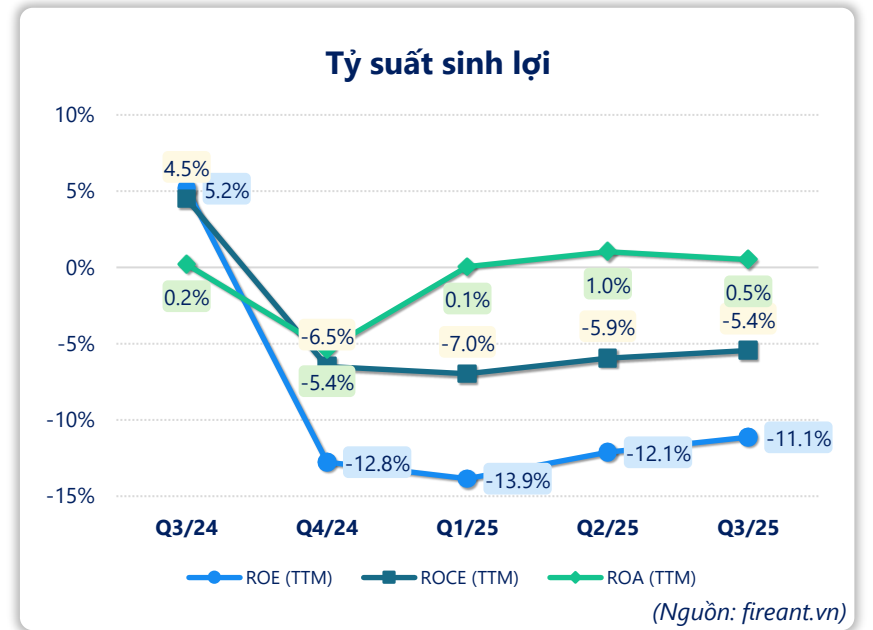
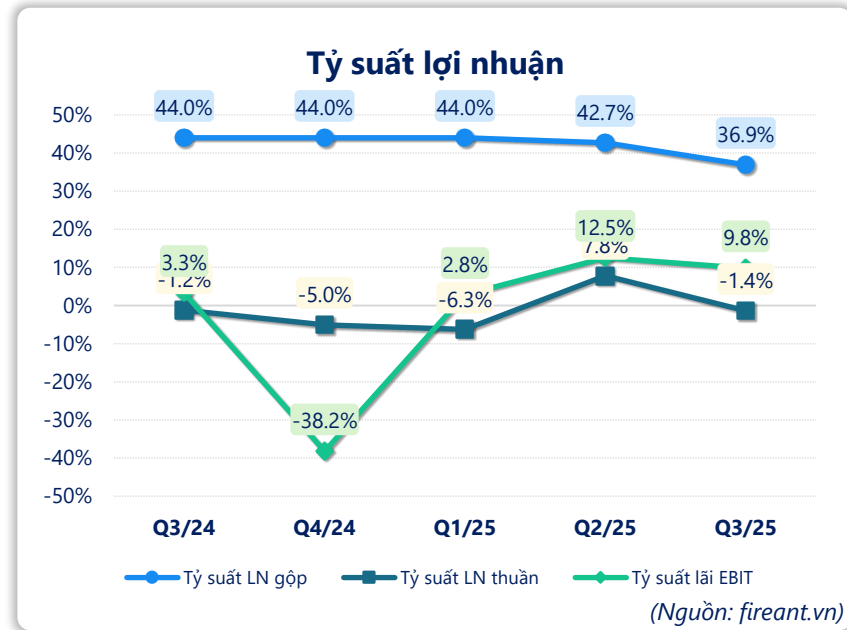
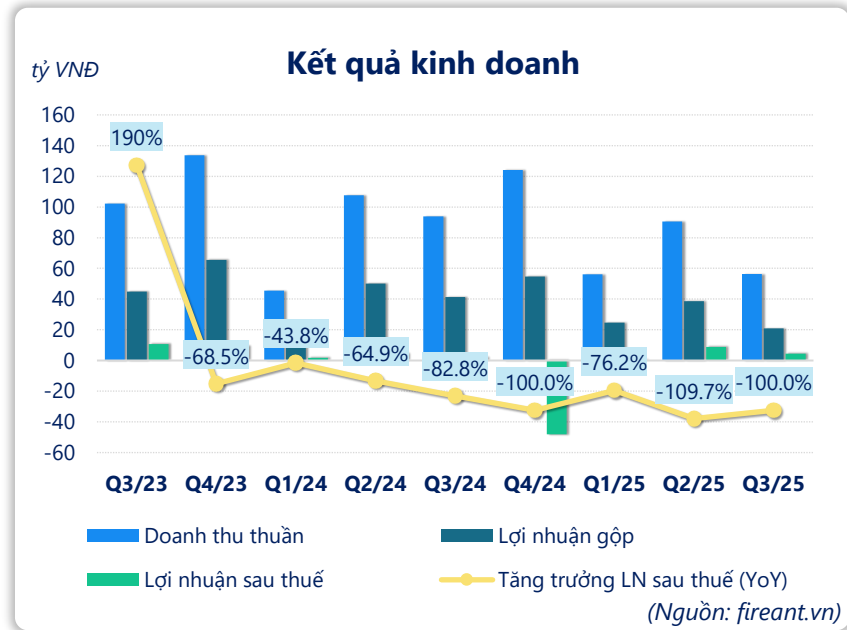


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,400
SL cổ phiếu LH		16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,220
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		262
P/E		-7.6
EPS		-2,152

	YTD	1T	3T	6T
VET	-8.9%	0.0%	-3.0%	-12.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	787	832	-5.4%
Tài sản ngắn hạn	491	510	-3.6%
Tiền và tương đương tiền	8.66	6.06	43.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	77.2	88.0	-12.2%
Hàng tồn kho	403	414	-2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.40	1.53	57.0%
Tài sản dài hạn	296	322	-8.3%
Phải thu dài hạn	2.66	2.66	0.0%
Tài sản cố định	58.2	80.5	-27.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.3	22.3	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	202	202	0.0%
Tài sản dài hạn khác	11.0	15.5	-28.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	473	532	-11.0%
Nợ ngắn hạn	272	330	-17.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	102	80.1	27.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.1	74.6	-47.5%
Nợ dài hạn	202	202	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	202	202	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	314	300	4.6%
Vốn chủ sở hữu	292	278	4.9%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	21.9	21.9	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	93.8	124	56.1	90.5	56.4
Giá vốn hàng bán	52.5	69.5	31.4	51.9	35.6
Lợi nhuận gộp	41.3	54.6	24.7	38.6	20.8
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	1.46	2.11	2.15	5.43	1.94
Chi phí lãi vay	0.83	0.73	1.02	2.52	1.15
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	23.6	50.1	13.5	10.1	4.54
Chi phí QLDN	17.3	8.68	12.6	16.0	15.1
LN thuần từ HĐKD	-1.14	-6.26	-3.51	7.07	-0.79
Lợi nhuận khác	3.43	-41.9	4.04	1.74	5.18
LN trước thuế	2.29	-48.2	0.54	8.81	4.39
Lợi nhuận sau thuế	1.84	-48.2	0.43	8.92	4.39
LNST của CĐ cty mẹ	1.84	-48.2	0.43	8.92	4.39

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.2	-7.57	-27.8	17.3	-12.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.22	3.39	0.37	-0.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.8	28.3	20.5	-16.0	17.7
Tiền đầu kỳ	13.3	5.92	6.06	2.19	3.90
Lưu chuyển tiền thuần	-7.40	20.5	-3.87	1.64	4.76
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.07	0
Tiền cuối kỳ	5.92	26.4	2.19	3.90	8.66

(Nguồn: fireant.vn)